

## BÁO CÁO

### Phục vụ giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc huyện Thuận Nam giai đoạn 2018 - 2022

Căn cứ Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 30/12/2022 của Đoàn Giám sát HĐND tỉnh giám sát về chuyên đề của HĐND tỉnh về việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2018-2022,

Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam báo cáo cụ thể như sau:

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong giai đoạn 2018 - 2022, sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện đã có bước chuyển biến về nhiều mặt; mạng lưới trường, lớp các cấp học được quy hoạch, sắp xếp tương đối hợp lý, đều khắp các địa bàn trong huyện, không còn điểm trắng về giáo dục mầm non. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hoá; tình hình lưu ban, bỏ học năm sau giảm hơn năm trước đặc biệt là ở các vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn có tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp đạt tỷ lệ cao.

Tính đến tháng 12/2022, toàn huyện 27 trường<sup>(1)</sup>, tổng số học sinh đầu năm học 2022 - 2023: 11.447 em (trong đó Mầm non: 1811/58 nhóm, lớp; Tiểu học: 6581/231 lớp; Trung học cơ sở: 3055/84 lớp)

Ngành Giáo dục và Đào tạo đã tập trung chỉ đạo triển khai công tác đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và tài liệu giáo dục địa phương cấp Tiểu học, Trung học cơ sở theo Chương trình Giáo dục Phổ thông năm 2018; tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp học giai đoạn 2022 - 2025; cơ sở vật chất trường lớp học được quan tâm đầu tư theo hướng đạt chuẩn quốc gia; việc triển khai thực hiện chính sách pháp luật trong cơ sở giáo dục được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

#### II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Việc cụ thể hóa, triển khai các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương; triển khai, cơ chế, chính sách của tỉnh; kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách giáo dục tại các cơ sở giáo dục của huyện được thực hiện nghiêm túc và đúng quy định.<sup>(2)</sup>

<sup>(1)</sup> Trong đó: Mầm non: 8; Tiểu học: 13; Trung học cơ sở: 4; Liên cấp Tiểu học và THCS: 02

<sup>(2)</sup> Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Quyết định 98/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn đặc

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan**

Chỉ đạo các trường tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến sâu rộng các văn bản pháp luật, chính sách pháp luật lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo đến toàn thể CB-GV-NV trong đơn vị. Việc tuyên truyền, quán triệt được thực hiện trực tiếp qua các buổi họp Hiệu trưởng, họp Hội đồng sư phạm nhà trường, qua các ứng dụng Zalo, Facebook và trên bảng công khai của từng đơn vị.

**3. Công tác xây dựng và triển khai giáo dục của các cơ sở giáo dục; công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua- khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục**

Việc triển khai xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục được thực hiện ngay từ đầu năm học theo hướng dẫn nhiệm vụ năm học từng cấp học của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Công tác thanh kiểm tra được thực hiện kịp thời và đúng quy định.

Việc thi đua – khen thưởng được triển khai theo văn bản quy định. Từ đầu năm học tổ chức đăng ký thi đua, việc xét thi đua – khen thưởng được tổ chức minh bạch, công khai và đúng quy định.

Việc xử lý vi phạm trong giáo dục trong thời kì tập trung ở các trường hợp vi phạm chính sách kế hoạch hóa gia đình.

**4. Công tác xã hội hóa giáo dục:** Tập trung ở những việc tặng quà, học bổng, tặng thẻ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cho các em học sinh. Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2022, chưa có các công trình lớn, dự án ngành giáo dục và đào tạo được thực hiện từ việc xã hội hóa.

## **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Đối với giáo dục mầm non**

#### **1.1. Về quy mô, mạng lưới trường lớp**

- Toàn huyện: Toàn huyện có 08 trường, trong đó có 02 trường Mầm non, 06 trường Mẫu giáo và 20 nhóm trẻ tự thực (04 nhóm đủ điều kiện cấp phép hoạt

---

biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Nghị định 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Quyết định 69/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 28/7/2021 của Chính Phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; Quyết định 73/2021/QĐ-UBND ngày 01/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận kéo dài thời gian các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 đối với năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính Phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính Phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính Phủ Quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên; Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 22/11/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính Phủ Quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên.

động: 01 nhóm xã Phước Dinh; 01 nhóm xã Phước Diêm; 02 nhóm xã Nhị Hà); 17 nhóm chưa đủ điều kiện cấp phép (*bằng năm học trước*).

- Tổng số nhóm, lớp: 76 nhóm, lớp (*Công lập 56 lớp, giảm 02 lớp so với năm học trước do thu hồi biên chế giáo viên; Tư thục 20 nhóm, lớp*)

- Tổng số trẻ huy động:

+ Công lập: 56 nhóm, lớp huy động được 1839 trẻ từ nhà trẻ đến mẫu giáo (trong đó trẻ nhà trẻ: 25 trẻ, trẻ mẫu giáo: 1814 trẻ).

+ Tư thục: 20 nhóm, lớp huy động được 325 trẻ từ nhà trẻ đến 3-4 tuổi (trong đó trẻ nhà trẻ: 135 trẻ, trẻ mẫu giáo: 190 trẻ)

## **1.2. Kết quả xây trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và công tác kiểm định chất lượng**

Kiểm định chất lượng giáo dục: 08/8 trường hoàn thành tự đánh giá hàng năm; 06/08 trường được đánh giá ngoài, tỷ lệ 75%; trong đó: 04/06 trường đạt mức 1, tỷ lệ 66,67%; 02/06 đạt mức 2, tỷ lệ 33,33%.

Trường đạt chuẩn quốc gia: 02/08 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, tỷ lệ 25%.<sup>(3)</sup>

## **1.3. Đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

a) *Kết quả huy động trẻ khỏi nhà trẻ, khỏi mẫu giáo ra lớp theo quy định; tỷ lệ trẻ em được học 2 buổi/ngày*

Trẻ nhà trẻ huy động ra lớp: 160/1703 trẻ, tỷ lệ 9,40%.

Trẻ mẫu giáo huy động ra lớp: 2004/3468 trẻ, tỷ lệ 57,8%.

Riêng trẻ mẫu giáo 5 tuổi huy động ra lớp: 1188/1207 trẻ, tỷ lệ 98,43%.

Trẻ học 2 buổi/ngày đạt tỷ lệ 100% qua các năm học

b) *Việc triển khai chương trình và đổi mới phương pháp giáo dục mầm non; công tác chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng*

- Đổi mới hoạt động chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non:

+ 100% các trường học thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non (GDMN) ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT- BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Đổi mới phương pháp giáo dục mầm non theo hướng lấy trẻ làm trung tâm; xây dựng và thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non phù hợp với văn hóa, điều kiện địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ. Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ 5 tuổi bước vào lớp 1

<sup>(3)</sup> Trường MG Phước Dinh và Trường MN Quán Thê

+ Đẩy mạnh phong trào làm đồ dùng, đồ chơi trong lớp, ngoài trời góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm.

+ Thực hiện tốt các chuyên đề trong năm: “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”; “Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, trẻ tích cực hoạt động”, ...

+ Tăng cường dạy học trực tuyến trong mùa dịch Covid-19 và hướng dẫn rút ngắn Chương trình phù hợp với thời gian năm học 2019-2020.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ: Chỉ đạo các trường thực hiện tốt kế hoạch xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích (*theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non*).

- Nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe:

+ Huy động các nguồn lực để duy trì, nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ; quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ tại các cơ sở và chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các dịch bệnh cho trẻ như: Tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường, khám sức khỏe cho trẻ đúng theo quy định; theo dõi sự phát triển của trẻ bằng sổ theo dõi sức khỏe trẻ nhà trẻ và trẻ mẫu giáo; thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho trẻ. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền đến cha mẹ của trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển tốt về thể chất; phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì.

+ Kết quả:

Trẻ em nhà trẻ được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng: 51/160 trẻ (trong đó có 109 trẻ học tại các nhóm tư thục không phép chưa được kiểm tra sức khỏe): Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 7 trẻ (tỷ lệ 13,73%); trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 5 trẻ (tỷ lệ 9,8%); trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc 4 trẻ (tỷ lệ 7,84%), trẻ thừa cân, béo phì 2 trẻ (tỷ lệ 3,92%)

Trẻ em mẫu giáo được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng: 1876/2004 trẻ (trong đó có 128 trẻ học tại các nhóm tư thục không phép chưa được kiểm tra sức khỏe): Trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 118 trẻ (tỷ lệ 6,29%); trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi 99 trẻ (tỷ lệ 5,28%); trẻ suy dinh dưỡng thể còi cọc 36 trẻ (tỷ lệ 1,92%), trẻ thừa cân, béo phì 89 trẻ (tỷ lệ 4,74%)

Tỷ lệ trẻ thừa cân, béo phì tăng dần theo từng năm.

*c) Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và chuẩn bị phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo*

- Triển khai thực hiện PCGDMNTENT theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xoá mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Trưởng Bộ GDĐT Quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ.

- Tăng cường công tác điều tra, huy động trẻ ra lớp và thường xuyên cập nhật thông tin, số liệu vào phần mềm phổ cập kịp thời, đầy đủ, chính xác. Đến nay, toàn huyện có 08/08 xã được công nhận và duy trì xã đạt chuẩn PCGDMNTENT.

- Công tác chuẩn bị phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo:

+ Triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo. Bố trí giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt dạy các lớp mẫu giáo.

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho gia đình và cộng đồng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa của phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo thông qua các hình thức và các loại thông tin đại chúng.

+ Đẩy mạnh xã hội hóa công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo, lồng ghép các chương trình dự án và huy động nguồn lực hợp lý của nhân dân để thực hiện phổ cập GDMN trẻ dưới 5 tuổi; cha mẹ có trách nhiệm phối hợp với nhà trường để nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ.

**1.4.** Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với giáo viên và trẻ em giáo dục mầm non được thực hiện đầy đủ và kịp thời <sup>(4)</sup>.

Các chính sách đối với nhà giáo và CBQL giáo dục và học sinh ban hành phù hợp, kịp thời, khả thi dẫn đến việc thụ hưởng của nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục và học sinh; nguồn kinh phí để chi trả lương, phụ cấp lương đối với các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước đều đảm bảo theo đúng quy định.

Chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số, nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi; các trường học đã thực hiện chi trả đầy đủ các chế độ cho cán bộ, giáo viên và nhân viên trong nhà trường như tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, chế độ thai sản.

### **1.5. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non**

*a) Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non.*

- Số lượng: Biên chế cấp học mầm non được giao cuối năm 2022 là 144 biên chế. trong đó, CBQL: 16 người. Giáo viên: 112 người và Nhân viên: 16 người.

Số lượng biên chế giáo viên trên chỉ mới đáp ứng tỷ lệ 2 giáo viên/lớp (theo quy định là 2,2 giáo viên/lớp đối với lớp mẫu giáo và 2,5 giáo viên /lớp đối với nhóm trẻ) và chưa đáp ứng được hết nhu cầu mong muốn gửi con của phụ huynh.

<sup>4)</sup>Nghị định 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; Nghị định 06/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính Phủ Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn; Quyết định 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận Quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính Phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Số lượng nhân viên đầy đủ theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 16/2016/TT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ GDĐT và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập.

Số lượng CBQL còn thiếu 02<sup>(5)</sup> so với quy định tại Thông tư Liên tịch số 06/2015/TT-BGDĐT-BNV ngày 16/03/2015.

- Chất lượng: 112/112 giáo viên mầm non đạt trình độ chuẩn (Cao đẳng Sư phạm) và trên chuẩn (Cử nhân Sư phạm). 100% cán bộ quản lý đều trên chuẩn, có trình độ lý luận từ sơ cấp trở lên, trong đó, 12 cán bộ quản lý có bằng Trung cấp lý luận chính trị.

*b) Kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non*

Huyện Thuận Nam có 02 xã (Phước Hà và Phước Dinh) được hưởng chế độ, chính sách về thu hút theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, đến tháng 12/2019 thì xã Phước Dinh hết hưởng chế độ, chính sách về thu hút theo Nghị định 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Giáo viên mầm non tại 02 xã này trực tiếp dạy 02 buổi/ngày tại nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép từ 2 độ tuổi trở lên ở các điểm lẻ hoặc trực tiếp dạy tăng cường tiếng Việt tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ em là người dân tộc thiểu số tại các điểm lẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non công lập còn được hỗ trợ 450.000 đồng/tháng theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách giáo viên mầm non tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này.

Đối với các xã còn lại đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý được hưởng đầy đủ về chính sách ưu đãi, chế độ tiền lương, phụ cấp, ưu đãi, thâm niên, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, tham gia đóng BHXH, bảo hiểm y tế...

*c) Đánh giá tác động của các chế độ, chính sách hiện hành trong việc quản lý, thu hút, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non.*

Đời sống cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên ổn định, an tâm công tác và không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, tạo được uy tín, niềm tin cho cha mẹ trẻ ngày càng cao.

---

<sup>(5)</sup> Trường MG Phước Diêm (thiếu 1), MG Phước Dinh (thiếu 1)

## **1.6. Đánh giá công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phát triển các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn**

- Từ năm 2018 đến năm 2022: Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phát triển các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng đầy đủ, cụ thể: phòng học, sân chơi, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ, khu vệ sinh, nước sạch, bếp ăn phục vụ dạy học cho các trường học mầm non trên địa bàn huyện.

- Kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn:

*\* Năm 2018:*

+ Trường MG Phước Hà: Nâng cấp, sửa chữa Trường MG Phước Hà (cơ sở Tân Hà), với tổng số kinh phí 109 triệu đồng;

+ Trường MN Cà Ná: Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Cà Ná, xã Cà Ná, với tổng số kinh phí 180 triệu đồng.

*\* Năm 2019:*

+ Trường MG Phước Hà: Nâng cấp công tường rào và sân đường Trường MG Phước Hà, với tổng số kinh phí 947 triệu đồng.

*\* Năm 2020:*

+ Trường MG Phước Nam: Xây dựng Khối hiệu bộ Trường Mẫu giáo Phước Nam và các hạng mục khác, với tổng số kinh phí 838 triệu đồng;

+ Trường MG Nhị Hà: Nâng cấp, sửa chữa Trường MG Nhị Hà và các hạng mục khác, với tổng số kinh phí 1.175 triệu đồng

*\* Năm 2021:*

+ Trường MG Phước Hà: Xây mới 02 phòng học, công tường rào, nhà bếp và sân đường Trường MG Phước Hà, với tổng số kinh phí 2.444 triệu đồng;

+ Trường Mẫu giáo Phước Nam: Nâng cấp, mở rộng Trường Mẫu giáo Phước Nam và các hạng mục khác, xã Phước Nam, với tổng số kinh phí 1.206 triệu đồng;

+ Trường Mầm non Cà Ná: Nâng cấp, mở rộng Trường Mầm non Cà Ná và các hạng mục khác, với tổng số kinh phí 392 triệu đồng.

*\* Năm 2022:*

+ Trường Mẫu giáo Phước Diêm: Xây mới 02 phòng học (cơ sở Thương Diêm) và các hạng mục khác, với tổng số kinh phí 3.231 triệu đồng;

+ Trường Mầm non Cà Ná: Xây mới 02 phòng học và các hạng mục khác (cơ sở thôn Lạc Sơn 2), xã Cà Ná, với tổng số kinh phí 2.192 triệu đồng.

**2. Đối với giáo dục phổ thông (bao gồm chương trình hiện hành và chương trình Giáo dục phổ thông 2018 mới)**

### **2.1. Mạng lưới trường, lớp, học sinh**

- Cấp tiểu học: 13 trường với 6.581 em/231 lớp.

- Cấp THCS: 06 trường (02 trường liên cấp TH và THCS, 04 trường THCS) với 3.055 em/84 lớp.

- Công tác sắp xếp mạng lưới trường lớp: Thực hiện Đề án sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020<sup>(6)</sup>. Trên cơ sở đó, Huyện ủy Thuận Nam ban hành kế hoạch số 130-KH/HU; Ủy ban nhân dân huyện ban hành nhiều văn bản để thực hiện chủ trương của Tỉnh Ủy, UBND tỉnh và Huyện ủy.<sup>(7)</sup>

Kết quả sắp xếp mạng lưới trường lớp năm 2019: Tổng số trường giảm 04 (Trường TH Văn Lâm, Trường TH Nhị Hà, Trường TH Nhị Hà 3, Trường THCS Phan Chu Trinh), từ 31 trường, còn 27 trường, tương đương tỷ lệ giảm 12,9%, số điểm trường giảm 01. Trong đó: TH giảm 18,75% (03/16 trường), số điểm trường giảm 01; THCS giảm 14,28%, tương đương 01 trường; trường có nhiều cấp học tăng 7,4%, tương đương 02 trường. Ngoài ra, còn có 02 trường liên cấp THCS, THPT trực thuộc Sở GDĐT (Trường THCS, THPT Nguyễn Văn Linh, Trường TH, THCS Đặng Chí Thanh).

## **2.2. Công tác tuyển sinh đầu cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; tình hình học sinh bỏ học; kết quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.**

### *a) Công tác tuyển sinh đầu cấp*

Phòng GDĐT đã tham mưu UBND huyện báo cáo số liệu học sinh khối 9 hàng năm, đồng thời rà soát, xây dựng kế hoạch tuyển sinh các lớp đầu cấp cho các trường phổ thông dân tộc nội trú trên cơ sở hướng dẫn của Sở GDĐT.

Hàng năm, UBND huyện ban hành kế hoạch giao chỉ tiêu tuyển sinh cho từng trường, từng xã theo quy định.

Số học sinh dự xét tốt nghiệp lớp 9 THCS và tuyển sinh vào lớp 6 năm học hàng năm đều đạt 100% .

<sup>(6)</sup> Thực hiện Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 30/8/2017 của Tỉnh ủy về sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; Công văn số 258-TB/TU ngày 30/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Đề án sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 1940/QĐ-UBND ngày 10/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 3975/UBND-KGVX ngày 17/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đồng ý chủ trương xây dựng Đề án sáp nhập và hình thành trường liên cấp THCS, THPT trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi bổ sung Điểm b, Khoản 1, Mục II phần 2 Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch số 130-KH/HU ngày 04/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Kế hoạch số 92-KH/TU và Chương trình hành động số 181-CTr/TU ngày 21/02/2018 của Ban Thường vụ tỉnh ủy.

<sup>(7)</sup> Kế hoạch 95/KH-UBND, Quyết định số 483/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 phê duyệt Đề án sắp xếp mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trên địa bàn huyện giai đoạn 2018 - 2021; Quyết định số 460/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam về việc sửa đổi, bổ sung Đề án số 1902/ĐA-UBND ngày 12/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện về sắp xếp mạng lưới trường, lớp học và đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trên địa bàn huyện giai đoạn 2018 - 2021 (Đề án); Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam về việc sáp nhập Trường TH Nhị Hà, Trường TH Nhị Hà 3, Trường THCS Hoàng Hoa Thám thành Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám; Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc sáp nhập Trường TH Văn Lâm, Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm thành Trường TH và THCS Nguyễn Bình Khiêm.



*b) Tình hình học sinh bỏ học*

Số HS tiểu học bỏ học trong năm học 2021-2022 là: 14 học sinh, Tỷ lệ: 0,2%, (tăng 0,2 %); số HS THCS bỏ học là: 27 học sinh; tỷ lệ 0,92% (bằng tỷ lệ năm học trước).

Nguyên nhân học sinh bỏ học là do một số em có hoàn cảnh gia đình nghèo, khó khăn, cha mẹ đi làm ăn xa, mang con đi theo; cha mẹ ly hôn phải sống cùng ông, bà, không người quan tâm nhắc nhở; một số em lười học, học lực yếu kém dẫn đến chán nản trong học tập, gia đình không quan tâm.

Trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục chỉ đạo Phòng GDĐT tiếp tục yêu cầu các trường trực thuộc huy động tối đa học sinh trong độ tuổi đi học ra lớp; duy trì sĩ số học sinh trong nhà trường, giảm tối đa tỉ lệ học sinh bỏ học xuống dưới 01%; giữ vững kết quả của phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, Phổ cập giáo dục THCS, nâng tỉ lệ thanh thiếu niên 15 -18 tuổi TN THCS lên trên 90%; góp phần ổn định chất lượng giáo dục toàn diện.

*c) Kết quả phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở*

Thực hiện theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”; Kế hoạch số 2704/KH-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, như sau:

- Có 100% các trường THCS trực thuộc tổ chức dạy hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh khối 9 (1 tiết/tháng) với các chủ điểm theo tháng có hiệu quả giúp cho học sinh định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

- Hàng năm, Phòng GDĐT đều tham mưu cho UBND huyện tổ chức Hội nghị tư vấn nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9 và lớp 12 toàn huyện vào tháng 04 của năm học.

- Tỷ lệ học sinh tiếp tục học lớp 10 THPT hàng năm đạt từ 75-80%, số còn lại được học trường nghề hoặc đi theo gia đình làm ăn ngoài tỉnh, học nghề và làm lao động phổ thông.

**2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

*a) Về đội ngũ nhà giáo*

- Số lượng, cơ cấu:

+ Năm học 2018-2019, 2019-2020, cấp Tiểu học và THCS có 494 giáo viên, thiếu 23 giáo viên;

+ Năm học 2020-2021, cấp Tiểu học và THCS có 507 giáo viên, thiếu 14 giáo viên;

+ Năm học 2021-2022, cấp Tiểu học và THCS có 497 giáo viên, thiếu 31 giáo viên.

Đến tháng 02/2023, cấp tiểu học và THCS có 492 giáo viên, thiếu 35 giáo viên

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

- Chất lượng

+ Chuẩn trình độ:

Năm học 2019-2020 (chưa thực hiện Chương trình GDPT năm 2018): trình độ chuẩn 301/494, tỷ lệ 60,9%.

Năm học 2020-2021 (bắt đầu thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 đối với lớp 1): trình độ chuẩn 380/507, tỷ lệ 74,9%.

Năm học 2021-2022 (thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 đối với lớp 1,2 và lớp 6): 393/497, tỷ lệ 79,1%.

Đến tháng 02/2023, năm học 2022-2023 (thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 đối với lớp 1, 2, 3 và lớp 6, 7): 448/492, tỷ lệ 91,1%.

*b) Đội ngũ CBQL:*

CBQL cấp tiểu học có 25 người, thiếu 06 Phó Hiệu trưởng <sup>(8)</sup>

CBQL cấp THCS có 10 người, thiếu 03 Phó Hiệu trưởng <sup>(9)</sup>

*c) Đội ngũ nhân viên phục vụ:*

Nhân viên phục vụ cấp tiểu học hiện có 43 người, thiếu 5 so với quy định <sup>(10)</sup>.

Nhân viên phục vụ cấp THCS hiện có 30 người, đủ so với quy định.

*d) Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên:*

Giáo viên giảng dạy các lớp theo Chương trình GDPT năm 2018 được tham gia bồi dưỡng, tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

CBQL, Giáo viên đã tham gia bồi dưỡng, tập huấn các lớp trực tuyến do Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trường Đại học Sư phạm (Đại học Huế) tổ chức, với số lượng là 07 đợt bồi dưỡng: Đã bồi dưỡng các Mô đun M1, 2, 3, 4, tất cả các học viên đều phải được cấp tài khoản để học trực tuyến qua mạng và để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng thường xuyên.

*e) Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên, hợp đồng lao động:* Ủy ban nhân dân huyện tổ chức 02 đợt tuyển dụng viên chức để bổ sung đội ngũ viên chức phục vụ công tác giảng dạy nói chung và thực hiện công tác giảng dạy theo Chương trình GDPT năm 2018 nói riêng. Qua các đợt tuyển dụng, Ủy ban nhân dân huyện đã tuyển dụng được 172 giáo viên <sup>(11)</sup>.

(8) Trường TH Vụ Bản, Trường TH Quán Thè, Trường TH Trà Nô, Trường TH Lạc Nghiệp (thiếu 01 Phó HT/trưởng) và Trường TH Sơn Hải (thiếu 02)

(9) Trường: THCS Nguyễn Tiệm, THCS Trương Văn Ly và PTDTBT THCS Phước Hà.

(10) Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

(11) Năm 2019: Tuyển 108 giáo viên, trong đó GV tiểu học: 58; GV THCS: 14.

Năm 2022: Tuyển 64 giáo viên, trong đó GV tiểu học: 47; GV THCS: 12.

- Về việc bố trí giáo viên dạy các môn tích hợp, các môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Việc bố trí giáo viên dạy liên môn cấp THCS gặp nhiều khó khăn do 1 bộ phận giáo viên chưa được đào tạo liên môn, công tác tập huấn, bồi dưỡng về dạy học liên môn chưa được tổ chức kịp thời.

#### **2.4. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Cơ sở vật chất: Ủy ban nhân dân huyện đã đầu tư, bổ sung các phòng học đáp ứng nhu cầu dạy học theo Chương trình GDPT năm 2018. Đến thời điểm hiện tại, số phòng học hiện có cơ bản đáp ứng công tác dạy và học. Tuy nhiên, để thực hiện dạy học theo Chương trình GDPT năm 2018 đối với tất cả các khối lớp vào những năm sau (100% học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày), cần bổ sung thêm 10 phòng học cho cấp tiểu học.

Bên cạnh đó, các khối phòng hỗ trợ (*thư viện, phòng thiết bị giáo dục, phòng tư vấn học đường...*); khối phụ trợ (*phòng y tế trường học, khu vệ sinh...*); khu sân chơi, thể dục thể thao,.. cũng cần được đầu tư thêm.

- Trang thiết bị dạy học: Trang thiết bị để phục vụ thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 chưa được cấp kịp thời, ảnh hưởng đến việc dạy và học của giáo viên và học sinh. Một số đơn vị thiếu trang thiết bị dạy học, thiết bị dạy học cũ đã hư hỏng nhiều, việc làm đồ dùng dạy học chưa được quan tâm ở 1 số đơn vị. Trang thiết bị hiện đại (tivi thông minh, máy chiếu,...) để thực hiện dạy học theo Chương trình GDPT năm 2018 của các trường chưa đủ 1 lớp/bộ thiết bị. Do đó, ảnh hưởng nhiều đến chất lượng bài giảng của giáo viên.

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

#### **2.5. Kết quả xây dựng trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục theo kế hoạch.**

Tính đến tháng 12/2022, toàn huyện có 14 trường đạt chuẩn quốc gia trên tổng số 27 trường (*Trường TH Lạc Tiến, Trường TH Nho Lâm, Trường THCS Nguyễn Tiệm, Trường TH và THCS Nguyễn Bình Khiêm, Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám, Trường MG Phước Dinh, Trường TH Quán Thử, Trường Mầm non Quán Thử, Trường Tiểu học Vụ Bản, Trường THCS Trương Văn Ly, Trường TH Hiếu Thiện, Trường THCS Võ Văn Kiệt, Trường TH Lạc Sơn, Trường TH Sơn Hải*).

**2.6.** Việc triển khai lựa chọn sách giáo khoa giáo dục các lớp: 1, 2, 3, 6, 7, 10 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; thực hiện Chỉ thị số 643/CT-BGDĐT ngày 10/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng sách giáo khoa và sách tham khảo tại các cơ sở giáo dục; việc trang bị sách giáo khoa, tài liệu, học liệu.

##### *a) Việc lựa chọn sách giáo khoa*

- Thuận lợi: Bộ GDĐT ban hành kịp thời các Thông tư dẫn lựa chọn Sách giáo khoa theo Chương trình GDPT năm 2018 <sup>(12)</sup>; UBND tỉnh ban hành tiêu chí lựa

---

(12) Thông tư số 01/2020/TT-BGDĐT ngày 30/01/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục; Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục

chọn sách giáo khoa trên địa bàn tỉnh kịp thời, chi tiết<sup>(13)</sup>; có nhiều bộ sách giáo khoa để các đơn vị lựa chọn sách giáo khoa phù hợp với; việc lựa chọn sách giáo khoa của các đơn vị thực hiện đúng theo quy định.

- Khó khăn:

Một số đơn vị lựa chọn nhiều môn học ở nhiều bộ sách giáo khoa khác nhau (lớp 1,6,7), đã ảnh hưởng đến việc mua sách của phụ huynh học sinh và nhà cung ứng sách giáo khoa cho đơn vị. Ngoài ra, cùng 1 địa phương mà có nhiều môn học/nhiều bộ sách cũng khó khăn trong việc quản lý và chỉ đạo chuyên môn.

Việc chậm ban hành Quyết định quy định mức chi cho hoạt động lựa chọn sách giáo khoa cũng là một trở ngại cho các hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp trường và thành viên của hội đồng lựa chọn sách giáo khoa cấp tỉnh.

*c) Việc phát hành sách giáo khoa, tài liệu tham khảo trên địa bàn*

Việc phát hành và cung ứng sách giáo khoa và tài liệu tham khảo thực hiện sớm ngay trong thời gian hè và đầu năm học. Do đó, phụ huynh và học sinh kịp thời mua để tham khảo và học tập trước khi bước vào năm học.

Tuy nhiên, việc cung ứng sách giáo khoa cho học sinh thuộc diện chính sách chưa kịp thời ngay vào đầu năm học, đã ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập của học sinh.

## **2.7. Chất lượng, hiệu quả thực hiện các chương trình giáo dục**

*a) Đối với các lớp thực hiện theo Chương trình GDPT năm 2018*

Các trường tích cực thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học.

Giáo viên nghiêm túc trong việc tổ chức dạy và học, áp dụng nhiều phương pháp tích cực nhằm giúp cho các em học sinh tiếp cận, nắm kiến thức một cách tốt nhất.

Thường xuyên sử dụng đồ dùng dạy học khi lên lớp; sử dụng tivi thông minh có kết nối Internet để tải các tài liệu, hình ảnh, ... trong khi dạy học nhằm tạo hứng thú và kích thích sự tò mò, khám phá của học sinh trong khi tham gia học tập tại trường.

*b) Đối với lớp các lớp thực hiện Chương trình hiện hành*

Áp dụng linh hoạt các phương pháp dạy học trong khi lên lớp hàng ngày của giáo viên; sử dụng máy chiếu, màn hình tương tác để hỗ trợ trong các tiết giảng dạy hàng ngày.

---

(13) Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh ban hành tiêu chí lựa chọn SGK trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh ban hành tiêu chí lựa chọn SGK trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Giáo viên luôn khuyến khích, gợi mở trong khi giảng giải các kiến thức mới, tăng cường thời gian thực hành, luyện tập thực tế nhằm giúp cho học sinh hiểu sâu, hiểu rõ các kiến thức đã học.

Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, lựa chọn nội dung giáo dục tự chọn và xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với nhu cầu của học sinh và điều kiện của nhà trường, địa phương; đảm bảo tính chủ động, linh hoạt của nhà trường trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục dạy học 2 buổi/ngày; tuân thủ các nguyên tắc, phương pháp sư phạm nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác phù hợp với lứa tuổi học sinh tiểu học.

Điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với thời gian học tập trực tiếp trên trường sau thời gian học trực tuyến trong học kỳ I.

*c) Đối với các lớp cuối cấp chuẩn bị thực hiện Chương trình GDPT vào năm sau*

Phòng GDĐT tổ chức cho tất cả giáo viên dạy lớp 5, 9 tham gia tập huấn dạy học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Giáo viên điều chỉnh kế hoạch bài dạy và bước đầu thực hiện dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

## **2.8. Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục.**

UBND huyện ban hành Kế hoạch số 143/KH- UBND ngày 21/4/2022 về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện; Ban hành Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 23/5/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện. Chỉ đạo 27/27 đơn vị trực thuộc thành lập Tổ CNTT nhằm triển khai việc chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong đơn vị, tổ chức tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho đội ngũ của đơn vị từng bước đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và ứng dụng CNTT.

Các đơn vị trường học đã tiếp nhận, sử dụng các phần mềm ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý. Tổ chức khai thác, vận hành các phần mềm ứng dụng CNTT do Sở GDĐT cung cấp như: Kiểm định chất giáo dục (IQBOT); Phổ cập giáo dục-xóa mù chữ (ELIBOT); Quản lý Giáo dục Ninh Thuận; đối với THCS triển khai có hiệu quả phần mềm soạn giảng; quản lý ngân hàng đề 4 thi; phần mềm chia thời khóa biểu; đối với tiểu học phần mềm tăng cường tiếng Việt; phần mềm quản lý thiết bị; phần mềm tập viết lớp 1, 2, 3

Phần mềm tự mua sắm trang bị phục vụ cho chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục: 27/27 đơn vị đều trang bị phần mềm quản lý tài chính (MISA)

## **2.9. Công tác triển khai và kết quả thực hiện các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, học sinh.**

Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch và Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ trả các chế độ chính sách hỗ trợ giáo viên và học sinh trên địa

bàn kịp thời và đầy đủ, cụ thể: phụ cấp ưu đãi ngành đối với giáo viên đứng lớp, phụ cấp chức vụ, kiêm nhiệm; phụ cấp đứng nảng đối với giáo viên dạy thể dục; chế độ miễn giảm và hỗ trợ cho phí học tập đối với học sinh thuộc diện chính sách và học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Thực hiện đầy đủ về chính sách ưu đãi, chế độ tiền lương, phụ cấp, ưu đãi, thâm niên, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn, tham gia đóng BHXH, bảo hiểm y tế... đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.

### **3. Đối với giáo dục thường xuyên**

#### **3.1. Công tác phổ cập, xóa mù chữ**

+ Số xã đạt chuẩn PCGD THCS là 08/08, tỷ lệ 100%; trong đó có 03 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1 (xã Phước Diêm, xã Phước Minh), các xã còn lại đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2, huyện đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1.

+ Số xã đạt chuẩn PCGD tiểu học là 08/08, tỷ lệ 100%; trong đó có: 02 xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 2 (xã Nhị Hà, Phước Dinh), các xã còn lại đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2.

+ Số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi là 08/08, tỷ lệ 100%; huyện duy trì chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

+ Số xã đạt chuẩn xóa mù chữ là 08/08, tỷ lệ 100%; trong đó có 02 xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (xã Nhị Hà, xã Cà Ná), các xã còn lại xóa mù chữ mức độ 1, huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1.

#### **3.2. Kết quả hoạt động của các trung tâm Học tập cộng đồng, Trung tâm Văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng.**

Được sự quan tâm của lãnh đạo, sự hỗ trợ hoạt động của các ban, ngành, mặt trận, đoàn thể; việc phát triển Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã (TTVHTT) sau đây gọi tắt là Trung tâm là một trong những biện pháp quan trọng nhằm tạo ra phong trào “xã hội học tập” và “xóa mù chữ” ở cơ sở, tạo cơ hội học tập cho mọi người.

Để Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoạt động hiệu quả, UBND huyện ban hành Văn bản số 709/UBND-VX ngày 20/3/2020 về việc chỉ đạo tăng cường thực hiện chức năng Trung tâm học tập cộng đồng tại các Trung tâm Văn hóa- Thể thao xã, đồng thời Phòng GDĐT ban hành các văn hướng dẫn hàng năm.

Trong năm 2022, Trung tâm đã phối hợp với Phòng Lao động-Thương binh và xã hội và Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ninh Phước và các cơ quan đơn vị liên quan thường xuyên khai giảng các lớp học bằng lái xe A2, dạy nghề tại các xã, cụ thể như sau: 01 lớp Trồng măng tây (35 học viên); 04 lớp Kỹ thuật nuôi bò, dê, cừu vỗ béo (137 học viên); 03 lớp Kỹ thuật trồng lúa nước (105 học viên); 01 lớp Trồng lúa năng suất cao (35 học viên); 03 lớp Máy trưởng hạng II (76 học viên); 01 lớp Thuyền trưởng hạng II (30 học viên); 02 Tuyên truyền pháp luật cho người khuyết tật (60 học viên); 02 Tuyên truyền biến đổi khí hậu (70 học viên), Tuyên truyền về công tác dân số, giáo dục giới Tính ( 1 lớp /60 người) các lớp phổ biến kiến thức khác (5 lớp/170 người).

## **4. Đối với giáo dục dân tộc miền núi và giáo dục hòa nhập**

### **4.1. Mạng lưới trường lớp dân tộc bán trú**

Toàn huyện chỉ có 01 trường dân tộc bán trú tại xã Phước Hà (Trường PTDTBT THCS Phước Hà)

### **4.2. Kết quả thực hiện các chương trình giáo dục tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; Kết quả công tác dạy tiếng dân tộc trong nhà trường.**

*a) Kết quả thực hiện các chương trình giáo dục tăng cường Tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số*

Tiếp tục thực hiện kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025”<sup>14</sup>. Qua đó, tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số linh hoạt, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; kiểm tra, giám sát, tư vấn, hỗ trợ việc triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số, việc dạy học tăng cường tiếng Việt theo các tài liệu đã được Bộ GDĐT tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt.

Việc tăng cường tiếng Việt cho học sinh đầu cấp vào thời gian hè, trước khi bước vào năm học mới nhằm giúp các em làm quen với tiếng Việt và các hoạt động giao tiếp. Cụ thể:

- Đầu năm học, 7/7 trường tiểu học<sup>(15)</sup> có đông học sinh dân tộc thiểu số đã tổ chức cho các em học sinh lớp 1 được học tập tăng cường tiếng Việt nhằm trang bị cho các em những kỹ năng cơ bản trong khi tham gia học tập các môn văn hóa và tham gia tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp tại trường. Thực hiện nghiêm túc việc tăng cường 2 tiết/tuần đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4.

- Tổ chức tốt công tác dạy học 2 buổi/ngày đối với lớp 1,2 và 3, đối với những khối lớp không học 2 buổi/ngày, các trường chủ động phụ đạo thêm 1 buổi/tuần giúp các em có được thời lượng học tập nhiều hơn và được củng cố, ôn tập kiến thức nhiều hơn; giúp các em đạt được chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học và hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học.

- Các đơn vị xây dựng tốt môi trường giao tiếp tiếng Việt cho học sinh qua các hoạt động dạy học tiếng Việt trong các môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức các trò chơi học tập, sử dụng hiệu quả các phương tiện hỗ trợ các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh; sử dụng hiệu quả thư viện của trường.

*b) Kết quả công tác dạy tiếng dân tộc trong nhà trường.*

Tổ chức thực hiện dạy học tiếng dân tộc thiểu số theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhu cầu của

<sup>(14)</sup>Theo Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 182/KH-BGDĐT ngày 02/3/2021 về việc tổ chức các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số năm học 2021-2022; Công văn số 1949/BGDĐT-GDTH ngày 13/5/2021 về việc Triển khai các hoạt động và giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số.

<sup>(15)</sup>Trường TH: Giá, Trà Nô, Hiếu Thiện, Vụ Bốn, Nho Lâm, Phước Lập; Trường TH và THCS Nguyễn Bình Khiêm.

học sinh, cụ thể: tập trung tối đa thời lượng để dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số lớp 1.

Đối với tiếng Chăm, các trường tiểu học triển khai dạy học tiếng dân tộc thiểu số (môn học tự chọn) theo Thông tư số 34/2020/TT-BGDĐT và sách giáo khoa tiếng dân tộc được biên soạn, thẩm định và được Bộ trưởng Bộ GDĐT phê duyệt sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Đối với các tiếng Raglai, từ học kỳ 2 năm học 2021 - 2022, các trường tiến hành dạy học thí điểm đối với lớp 1 và bắt đầu dạy học thực nghiệm từ năm học 2022 - 2023 theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và Sở GDĐT<sup>(16)</sup>

**4.3.** Công tác huy động học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác đến trường; kết quả thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập, các hoạt động chăm sóc, giáo dục học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác.

Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật tại địa phương theo Luật Người khuyết tật 2010 và các văn bản<sup>17</sup> quy phạm pháp luật về giáo dục người khuyết tật.

Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; được học hòa nhập, được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc tổ chức dạy và học cho học sinh khuyết tật được thực hiện trên cơ sở kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu và khả năng của học sinh.

Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập tại Công văn số 1972/SGDDT-KHTC ngày 17/10/2016 về việc triển khai chế độ phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ.

**4.4.** Công tác triển khai và kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với học sinh vùng dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khác.

Việc thực hiện chế độ chính sách hỗ trợ đối với học sinh vùng dân tộc thiểu số và học sinh khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt được UBND huyện quan tâm và thực hiện chi trả kịp thời. Cụ thể:

- Năm 2018: 01 HS khuyết tật với số tiền được hỗ trợ là 11.008.000 đồng;
- Năm 2019: 02 HS khuyết tật với số tiền được hỗ trợ là 23.456.000 đồng;
- Năm 2020: 02 HS khuyết tật với số tiền được hỗ trợ là 23.456.000 đồng;

<sup>(16)</sup> Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 08/10/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc Phê chuẩn bộ chữ tiếng Raglai tỉnh Ninh Thuận; Công văn số 4114-CV/TU ngày 12/7/2019 của Tỉnh ủy Cho ý kiến về biên soạn sách học tiếng Raglai dành cho học sinh phổ thông và tổ chức dạy thực nghiệm; Công văn số 3091/UBND-VXNV ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc chủ trương biên soạn sách học tiếng Raglai dành cho học sinh phổ thông và tổ chức dạy thực nghiệm; Quyết định số 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/3/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành chương trình giáo dục phổ thông thực nghiệm môn tiếng Raglai trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

<sup>17</sup> Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; Thông tư số 15/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 ban hành Quy định chuẩn quốc gia về chữ nổi Braille cho người khuyết tật và Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 ban hành Quy định Chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật.



- Năm 2021: 02 HS khuyết tật với số tiền được hỗ trợ là 23.456.000 đồng;
- Năm 2022: 02 HS khuyết tật với số tiền được hỗ trợ là 23.456.000 đồng.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Giai đoạn 2018-2022, Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến về chế độ, chính sách đối với nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Hầu hết các văn bản đã đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của số đông nhà giáo và CBQLGD.

Công tác tuyên truyền được thực hiện tốt, đảm bảo sự đồng lòng ủng hộ của các cấp ngành, các cơ quan, đơn vị trường học và các bậc cha mẹ học sinh.

Việc thực hiện chế độ, chính sách đối với nhà giáo và CBQLGD trong những năm qua được thực hiện kịp thời và đầy đủ theo quy định nên đã góp phần rất lớn trong việc động viên đội ngũ nhà giáo và CBQLGD yên tâm công tác, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Các chế độ chính sách đối với học sinh được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Ủy ban nhân dân thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách pháp luật liên quan đến ngành giáo dục và đào tạo.

### **2. Những khó khăn, hạn chế**

Biên chế cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên còn thiếu nhiều ở các cấp học theo định mức quy định. Việc thu hồi biên chế đối với ngành giáo dục thực hiện theo chủ trương chung, chưa đáp ứng được nhu cầu thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 đối với cấp học phổ thông và mong muốn gửi con em của phụ huynh cấp học mầm non.

Việc thiếu CBQL tại các đơn vị trường học (do chưa đáp ứng điều kiện tiêu chuẩn để bổ nhiệm) cũng là một hạn chế lớn trong công tác quản lý của các cơ sở giáo dục.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học mặc dù đã được trang bị nhưng chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Nguồn kinh phí đầu tư cơ sở vật chất trường, lớp còn hạn hẹp, đầu tư còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Các quy định liên quan đến việc bảo quản và sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học còn thiếu, chưa đồng bộ.

Quy mô trường lớp vẫn tồn tại một số bất cập. Tình trạng quá tải học sinh ở một số trường vẫn xảy ra. Cơ sở vật chất, trường lớp tuy được tập trung đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, yêu cầu tổ chức các hoạt động thí nghiệm, thực hành cũng như các hoạt động giáo dục khác theo yêu cầu đổi mới. Công tác huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa cao.

### **3. Nguyên nhân**

- Do thực hiện lộ trình tinh giản, thu hồi biên chế, biên chế cấp bổ sung cho ngành giáo dục và đào tạo không đủ thực hiện theo chương trình GDPT năm 2018.

- Do việc cử giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng đảm bảo điều kiện, tiêu chuẩn để bổ nhiệm là một khó khăn, thách thức trong việc bố trí giáo viên dạy thay (nhất là 12 GV tham dự các lớp trung cấp lý luận chính trị, do thời gian tham gia dài).

- Cơ sở vật chất trường học chưa tương thích với yêu cầu đổi mới giáo dục. Kinh phí đầu tư cho cơ sở vật chất ngành giáo dục và đào tạo ít so với nhu cầu thực tế, công tác xã hội hóa chưa hiệu quả; trang thiết bị sử dụng nhiều năm không được bổ sung kịp thời.

- Việc thực hiện sắp xếp mạng lưới trường lớp học chưa được triển khai theo lộ trình kế hoạch ban hành do liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành.

- Công tác truyền thông của ngành giáo dục ở một số địa phương đạt hiệu quả chưa cao.

## **V. KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ**

- Xem xét chính sách thu hồi biên chế 10% đối với sự nghiệp giáo dục.

- Xem xét và cấp bổ sung biên chế để thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 đạt hiệu quả.

### **2. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Tham mưu cấp đủ biên chế vị trí việc làm được quy định tại các thông tư quy định số lượng người lập việc trong cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông (Thông tư Liên tịch số 06/2015/TT-BGDĐT-BNV và Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT).

Xem xét và quy định lại định mức học sinh/lớp (vì hiện này không quá 45 học sinh/lớp đối với cấp THCS và 35 học sinh/lớp đối với cấp tiểu học là tương đối cao khi thực hiện theo Chương trình GDPT năm 2018).

### **3. Thường trực HĐND, UBND tỉnh**

- Tiếp tục kiến nghị xem xét lại chính sách thu hồi biên chế 10% đối với sự nghiệp giáo dục.

- Ưu tiên bố trí quỹ đất tại Khu Đô thị mới Cà Ná tại xã Phước Diêm, để xây dựng mới cơ sở vật chất cho Trường THCS Trương Văn Ly, phục vụ công tác sắp xếp các trường Tiểu học, THCS trên địa bàn xã Cà Ná, Phước Diêm (vì Trường TH Lạc Nghiệp, xã Cà Ná, có số lớp quá đông, trong khi diện tích trường không thể đảm bảo việc xây dựng phòng học phục vụ giảng dạy theo CTGDPT năm 2018 đối với lớp 4-5).

## **VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN**

**1.** Tiếp tục tham mưu cấp bổ sung biên chế đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT năm 2018 đối với giáo dục phổ thông và cơ bản đáp ứng nhu cầu gửi con em của phụ huynh cấp học mầm non.

Tổ chức tuyển dụng viên chức số biên chế được giao nhưng chưa tuyển dụng và số biên chế được giao bổ sung theo Quyết định số 72/QĐ/TW ngày

18/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương và theo Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc điều chỉnh tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên năm 2022 của tỉnh Ninh Thuận đối với ngành Giáo dục và Đào tạo.

Kiện toàn bộ máy CBQL các trường đảm bảo đủ theo quy định.

**2.** Tập trung đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông trong giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện theo hướng đạt chuẩn quốc gia. Trong đó, phải thực hiện đầu tư thực hiện phòng học tin học để phục vụ giảng dạy môn tin học đối với học sinh lớp 3 và các khối 4,5 ở những năm học tiếp theo; các nguồn vốn xây dựng thêm phòng học, phòng chức năng, khu hiệu bộ, nhà vệ sinh để đảm bảo tổ chức dạy 02 buổi/ngày đối với cấp tiểu học và các trường còn thiếu, nhất là các phòng học tiếng Anh, tin học theo chương GDPT 2018 trong Vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025; tăng cường công tác huy động các nguồn lực xã hội hóa đầu tư cho giáo dục và đào tạo.

**3.** Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; tổng hợp, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện đổi mới 3 chương trình giáo dục phổ thông mới trên địa bàn.

**4.** Tham mưu đẩy nhanh tiến độ triển khai Khu Đô thị mới Cà Ná tại xã Phước Diêm, dành quỹ đất để phục vụ sắp xếp mạng lưới trường lớp địa bàn xã Phước Diêm, Cà Ná.

**5.** Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nêu cao nhận thức thực hiện quy định chính sách, pháp luật lĩnh vực giáo dục trong đội ngũ CBQL, Giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh.

Trên đây là Báo cáo Phục vụ giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục thuộc huyện Thuận Nam giai đoạn 2018 - 2022. Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam báo cáo Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận xem xét./.

**Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh;
- Đoàn giám sát;
- Thường trực HĐND huyện (b/c);
- CT, PCT UBND huyện (Đ/c Cường);
- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Xuân Cường**